

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2020; Bổ sung vốn Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2019, tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2015/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phân bổ và giao Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phân bổ và giao dự phòng Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2019, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Văn bản số 8472/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ vốn NSNN năm 2020;

Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc đề nghị bổ sung danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2020; Bổ sung vốn Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2019, tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 182/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020

1. Dự án xây dựng Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở Công an tỉnh Tuyên Quang (*giai đoạn 2*).

3. Hạng mục Công trình phát huy giá trị di tích tại Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; Cải tạo, nâng cấp Quảng trường Tân Trào tại Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; xây dựng Bảo tàng Tân Trào tại Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào thuộc Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025.

4. Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối QL2C với khu di tích Sở Đức tiên, Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc và khu trung tâm xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa.

5. Đường giao thông từ đường ĐH.03 Phú Bình - Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa đến Di tích Bộ Tài chính, thôn Nà Làng, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa.

6. Cầu Chinh, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa trên tuyến đường vào khu di tích Sở Đức tiên, Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa.

7. Xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang.

8. Xây dựng đường giao thông từ Trường tiểu học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình.

Điều 2. Phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2020

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

1.1. Các công trình, dự án được bố trí vốn phải thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh (*trừ các dự án được Bộ, Ngành Trung ương hỗ trợ trong năm*);

1.2. Công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo quyết định phê duyệt Dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Ưu tiên bố trí đủ 100% vốn cho các công trình, dự án được phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn đến thời điểm trình phê duyệt kế hoạch;

- Công trình hoàn thành đến ngày 31/12/2019 chưa bố trí đủ vốn, bố trí 90% trở lên so với dự toán được duyệt;

- Công trình, dự án dự kiến hoàn thành năm 2020 bố trí vốn đến 90% dự toán được duyệt;

- Công trình, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020, công trình khởi công mới năm 2020, công trình chuẩn bị đầu tư bố trí vốn theo quy định;

1.3. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức; vốn tỉnh quản lý: Ưu tiên bố trí hỗ trợ các công trình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NĐ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; vốn lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; vốn đối ứng các dự án ODA.

1.4. Vốn phân cấp cho các huyện, thành phố quản lý sử dụng (*từ vốn đầu tư trong cân đối NSDP theo tiêu chí, định mức và từ nguồn thu tiền sử dụng đất*): Trong kế hoạch phân bổ vốn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, ưu tiên các công trình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NĐ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các công trình thuộc các xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

1.5. Không khởi công mới các dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn để tập trung hoàn thành các dự án chuyển tiếp. Công trình khởi công mới năm 2020 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Phương án phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2020

2.1. Tổng số vốn Trung ương giao: 810.520 triệu đồng; gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 556.520 triệu đồng;

- Vốn thu từ Xổ số kiến thiết: 22.000 triệu đồng;

- Nguồn bồi chi ngân sách địa phương: 12.000 triệu đồng;

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 220.000 triệu đồng.

2.2. Tổng số vốn địa phương phân bổ: 858.443 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 556.520 triệu đồng;

- Vốn thu từ Xổ số kiến thiết: 22.000 triệu đồng;

- Nguồn bồi chi ngân sách địa phương: 12.000 triệu đồng;

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 150.000 triệu đồng (*Tổng số thu tiền sử dụng đất: 250.000 triệu đồng, trong đó: Trích lập quỹ phát triển đất: 75.000 triệu đồng; Chi cho công tác đo đạc lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCNQSD đất: 25.000 triệu đồng; Chi đầu tư: 150.000 triệu đồng*);

- Vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2020: 34.000 triệu đồng;

- Vốn ngân sách tỉnh năm 2020: 25.000 triệu đồng;

- Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ năm 2020: 58.923 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu số 01)

- 3. Phân bổ vốn:** Tổng số vốn phân bổ: 858.443 triệu đồng, trong đó:
- 3.1. Phân cấp cho huyện, thành phố quản lý: 185.440 triệu đồng, gồm:
- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức: 35.440 triệu đồng;
 - Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 150.000 triệu đồng;
- 3.2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình thuộc 03 Đề án (thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh): 45.718 triệu đồng;
- 3.3. Phân bổ cho các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2019 chưa bố trí đủ vốn (47 CT): 68.970,832 triệu đồng; trong đó:
- Công trình đã phê duyệt quyết toán (31 CT): 26.204,218 triệu đồng.
 - Công trình chưa phê duyệt quyết toán (16 CT): 42.766,614 triệu đồng.
- 3.4. Phân bổ các công trình chuyển tiếp (30 CT): 227.235,717 triệu đồng, trong đó:
- Công trình dự kiến hoàn thành năm 2020 (15 CT): 94.347,758 triệu đồng;
 - CT dự kiến hoàn thành sau năm 2020 (15 CT): 132.887,959 triệu đồng;
- 3.5. Phân bổ các công trình khởi công mới năm 2020 (20 CT): 183.312,451 triệu đồng.
- 3.6. Phân bổ các công trình chuẩn bị đầu tư: 23.800 triệu đồng.
- 3.7. Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định dân cư: 8.000 triệu đồng.
- 3.8. Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030: 35.000 triệu đồng.
- 3.9. Chi trả nợ: 32.966 triệu đồng.
- 3.10. Chưa phân bổ: 48.000 triệu đồng.
- (Chi tiết phân bổ vốn từ mục 4.1 đến 4.10 theo Biểu số 02 đính kèm)*
- 3.11. Các công trình hoàn thành chờ phê duyệt quyết toán: Sau khi được phê duyệt quyết toán số vốn còn thiếu sẽ được bố trí trong thời gian tiếp theo.
- (Chi tiết theo Biểu số 03 đính kèm)*
- 3.12. Các công trình đề nghị Trung ương hỗ trợ vốn (được thực hiện khi được Trung ương, hoặc địa phương bổ sung vốn)
- (Chi tiết theo Biểu số 04 đính kèm)*

Điều 3. Bổ sung vốn Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2019

1. Tổng số vốn bổ sung: 42.700 triệu đồng, phân bổ cho các công trình:

- 1.1. Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Lâm Bình: 5.000 triệu đồng.
- 1.2. Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường ĐT.186 đoạn Km0+00 - Km58+900, thuộc địa phận huyện Sơn Dương: 30.000 triệu đồng.

1.3. Xây dựng tuyến đường giao thông từ thôn Nà Tông ra bến thủy Thượng Lâm, xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình: 6.000 triệu đồng.

1.4. Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025: 1.700 triệu đồng thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; gồm:

- Công trình phát huy giá trị di tích tại khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương: 500 triệu đồng.

- Cải tạo, nâng cấp Quảng trường Tân Trào tại khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương: 500 triệu đồng.

- Xây dựng Bảo tàng Tân Trào tại khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào huyện Sơn Dương: 700 triệu đồng.

2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh chưa phân bổ năm 2019.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT (Kh).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	DK Nguồn vốn TW giao năm 2020	Nguồn vốn đầu tư năm 2020 địa phương phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ (A+B)	810.520	858.443	
A	VỐN TRUNG ƯƠNG GIAO	810.520	740.520	
I	Vốn đầu tư trong cân NSDP	810.520	740.520	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	556.520	556.520	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Phân cấp cho các huyện, thành phố (Theo NQ số 42/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh)		35.440	
	- Hỗ trợ ĐTXD các công trình thuộc 03 Đề án (Thực hiện NQ số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016)		45.718	
	- Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030		35.000	
	- Phân bổ cho các công trình, dự án		440.362	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Phân cấp cho huyện, thành phố quản lý sử dụng)	220.000	150.000	
	<i>Tổng số thu tiền sử dụng đất của các huyện, thành phố:</i>	220.000	250.000	
	<i>Trong đó: - Trích lập quỹ phát triển đất 30%</i>		75.000	
	<i>- Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất 10%</i>		25.000	
3	Vốn thu từ Xổ số kiến thiết	22.000	22.000	
4	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	12.000	12.000	
B	VỐN ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG		117.923	
1	Vốn ngân sách tỉnh năm 2020		25.000	
2	Vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2020		34.000	
3	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ năm 2020		58.923	

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 20 19 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị : Triệu đồng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ								858.443.00	556.520.00	150.000.00	22.000.00	12.000.00	34.000.00	25.000.00	58.923.00		
I	VỐN PC CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ								185.440.00	35.440.00	150.000.00							
I.1	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất								150.000.00		150.000.00							
1	Huyện Lâm Bình								2.400.00		2.400.00							Đã trừ trích quỹ phát triển đất 30% và 10% Chi cho công tác đo đạc, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ; Phân bổ vốn các huyện, thành phố ưu tiên các công trình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/ND-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các công trình thuộc các xã hoàn thành đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2020
2	Huyện Na Hang								2.100.00		2.100.00							
3	Huyện Chiêm Hoá								5.700.00		5.700.00							
4	Huyện Hàm Yên								6.900.00		6.900.00							
5	Huyện Yên Sơn								6.840.00		6.840.00							
6	Huyện Sơn Dương								28.200.00		28.200.00							
7	Thành phố Tuyên Quang								97.860.00		97.860.00							
I.2	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức								35.440.00	35.440.00								
1	Huyện Na Hang								4.399.00	4.399.00								Các huyện, thành phố phân bổ vốn ưu tiên các công trình thực hiện Nghị quyết số 03/2016/ND-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các công trình thuộc các xã hoàn thành đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2020
2	Huyện Lâm Bình								4.715.00	4.715.00								
3	Huyện Chiêm Hoá								5.990.00	5.990.00								
4	Huyện Hàm Yên								4.093.00	4.093.00								
5	Huyện Yên Sơn								5.695.00	5.695.00								
6	Huyện Sơn Dương								5.953.00	5.953.00								
7	Thành phố Tuyên Quang								4.595.00	4.595.00								
II	HỖ TRỢ ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC 03 ĐỀ ÁN (THỰC HIỆN NQ SỐ 03/2016/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2016)								45.718.00	45.718.00								(Có kế hoạch phân bổ riêng)
III	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, BÀN GIAO, ĐƯA VÀO SỬ DỤNG ĐẾN NGÀY 31/12/2019 CHƯA BỔ TRÍ ĐỦ VỐN			2.089.953.53	1.741.095.29	1.678.010.75	1.000.878.77	1.531.098.53	68.970.832	67.640.283		1.330.549						47 Công trình
1)	Công trình đã phê duyệt quyết toán			1.037.984.37	1.011.715.18	983.226.71	971.574.93	942.908.42	26.204.218	24.873.669		1.330.549						31 công trình
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của Thanh tra tỉnh	2016-2017		10.970.45	1.970.45	10.970.45	10.945.169	9.431.00	1.514.169	1.514.169							Thanh tra tỉnh	
2	Trụ sở UBND xã Lương Thiện, huyện Sơn Dương	2014-2015		6.257.61	6.257.61	6.087.80	6.087.80	5.523.89	563.903	563.903							UBND huyện Sơn Dương	
3	Trụ sở UBND xã Năng Khả, huyện Na Hang	2015-2016		6.472.38	6.472.38	6.678.01	5.992.21	5.883.33	108.889	108.889							UBND huyện Na hang	
4	Trung tâm hội nghị Tỉnh	2007-2011		162.047.41	159.134.29	159.134.29	159.134.29	157.610.66	1.523.628	1.523.628							Sở Xây Dựng	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bồi chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Hà Lang, huyện Chiêm Hóa	2017-2018		3.824.37	3.824.37	3.689.66	3.689.661	3.450.00	239.66			239.66					UBND huyện Chiêm Hóa	
6	Xây dựng trạm Y tế xã Thượng Nông, huyện Na Hang	2015-2016	XD mới	6.404.96	6.404.96	5.941.22	5.941.22	5.850.00	91.22			91.22					UBND huyện Na Hang	
7	Xây dựng Trạm Y tế xã Khau Tinh, huyện Na Hang	2017-2020		5.411.76	5.411.76	4.919.78	5.248.989	4.550.00	698.989			698.989					UBND huyện Na Hang	(Năm 2015 bố trí từ nguồn EU tài trợ: 4.500 trđ)
8	Xây dựng Trạm Y tế xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương	2015-2016	XD mới	4.338.48	4.338.48	4.303.10	4.303.10	4.178.81	124.29			124.29					Sở Y tế	Vốn EU tài trợ, vốn NSDP
9	Xây dựng trạm Y tế xã Hoà Phú, huyện Chiêm Hoá	2015-2016	XD mới	4.684.81	4.684.81	4.647.15	4.647.15	4.470.15	176.390			176.390					Sở Y tế	Vốn EU tài trợ, vốn NSDP
10	Bệnh viện đa khoa huyện Chiêm Hoá	2010-2015	100 giường	79.172.30	79.172.30	78.123.21	78.123.206	77.540.250	582.950	582.950							Sở Y tế	
11	Trạm Y tế xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	2016-2017		4.228.33	4.228.33	3.843.94	3.771.76	3.395.00	376.758	376.758							UBND huyện Yên Sơn	
12	Trụ sở UBND xã Khau Tinh, huyện Na Hang	2016-2017		6.614.39	6.614.39	6.053.99	6.355.538	5.350.00	1.005.538	1.005.538							UBND huyện Na Hang	
13	Trụ sở UBND xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn	2016-2017		5.739.85	5.739.85	5.239.58	5.204.00	5.131.31	72.687	72.687							UBND huyện Yên Sơn	
14	Trường Mầm Non, xã Cồn Lôn, huyện Na Hang	2016-2017		3.986.40	3.986.40	3.796.57	3.738.136	3.600.00	138.136	138.136							UBND huyện Na Hang	
15	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Đầm Hồng	2016-2017		7.368.42	7.368.42	6.631.50	6.643.165	6.527.00	116.165	116.165							Sở Giáo dục và Đào tạo	
16	Trường Mầm Non, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	2016-2018		7.725.45	7.725.45	7.655.40	7.545.38	7.050.00	495.375	495.375							BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
17	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Xuân Huy, huyện Yên Sơn	2017-2019		7.870.23	7.870.23	7.616.96	7.498.67	7.170.00	328.67	328.67							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
18	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học Đa năng Trường THPT Na Hang	2016-2018		8.426.28	8.426.28	7.707.25	7.707.25	7.350.00	357.25	357.25							UBND huyện Na hang	
19	Dự án đầu tư xây dựng nhà lớp học trường mầm non xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình	2016-2017		4.833.54	4.833.54	4.649.47	4.825.00	4.172.00	653.00	653.00							Sở Giáo dục và đào tạo	
20	Nhà lớp học 02 tầng 14 phòng Trường THPT Sóng Lô, xã An trường, TPTQ	2011-2014		5.318.00	5.318.00	5.054.00	5.054.00	4.830.00	224.00	224.00							Sở Giáo dục và đào tạo	
21	Trụ sở UBND xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương	2017-2019		5.199.20	5.199.20	5.084.98	4.986.18	4.850.00	130.00	130.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
22	Trụ sở UBND xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	2017-2019		5.680.04	5.680.04	5.595.58	5.525.87	5.150.00	300.00	300.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
23	Bảo tàng tỉnh	2008-2012	2.900 m2	58.639.89	57.088.51	53.741.50	53.741.50	52.305.58	1.435.92	1.435.92							Sở Xây Dựng	
24	Xây dựng Trạm Y tế xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên	2017-2020		3.237.74	3.237.74	3.237.74	3.054.51	2.651.58	400.000	400.000							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
25	Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hà - Hồng Quang, xã Trung Hà huyện Chiêm Hóa			10.105.21	10.105.21	10.104.58	9.897.83	9.181.40	716.430	716.430							UBND huyện Chiêm Hóa	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# + DBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
26	Đường Đầm Hồng - Phú Bình - Kiên Đài (ĐH.03), huyện Chiêm Hóa	2015-2018	L=12km	75.139.43	75.139.43	69.894.25	69.182.503	68.300.00	882.90	882.90							BQLDA vùng căn cứ cách mạng	
27	Đường lên Trung tâm chính trị - hành chính, huyện Lâm Bình	2013-2018		197.803.89	194.588.33	179.617.40	175.617.18	166.498.97	9.118.00	9.118.00							UBND huyện Lâm Bình	
28	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước SH thôn Pắc Chải, Khuổi Chán, Đồng Cột, và Khu TT xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa	2014-2015		6.176.15	6.176.15	5.470.25	5.470.245	5.138.445	331.715	331.715							Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	
29	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sạch sinh hoạt xóm 7, xóm 10 và các cơ quan, trường học, dân cư xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	2014-2015		9.399.16	9.399.16	8.643.00	8.642.996	7.857.396	785.607	785.607							Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	
30	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sạch sinh hoạt xã Bình Xa, huyện Hàm yên	2014-2016		14.102.46	14.102.46	13.191.11	13.191.113	12.757.796	433.317	433.317							Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	
31	Xây dựng đường giao thông các tỉnh miền núi phía bắc (ADB)	2011-2016		300.805.78	291.216.66	285.903.00	279.809.32	275.153.86	2.278.662	2.278.662							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
2)	Công trình chờ phê duyệt quyết toán			1.051.969.16	729.380.11	694.784.04	29.303.85	588.190.10	42.766.614	42.766.614								16 Công trình
1	Trụ sở UBND xã An Tường, TPTQ	2017-2020		8.303.75	8.303.75	7.548.86		6.523.00	1.000.00	1.000.00							UBND - TPTQ	
2	Sửa chữa, xây dựng bổ sung Nhà làm việc Sở VH TT&DL	2013-2015		14.992.47	14.992.47	13.410.00		12.972.00	1.200.00	1.200.00							Sở VH TT&DL	
3	Hạ tầng Khu di tích thắng cảnh Động Tiên, huyện Hàm Yên			31.638.83	31.638.83	28.475.00		27.137.00	1.500.00	1.500.00							UBND huyện HY	Vốn NSTW + Vốn NSDP
4	Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình (Nhà làm việc của HĐND và UBND huyện)			37.244.91	36.691.84	35.580.14		31.093.13	3.000.00	3.000.00							UBND huyện Lâm Bình	
5	Hỗ trợ kinh phí xây lắp Xây dựng cầu Xi trên tuyến đường Kỳ Lâm - Thiện Kế - Ninh Lai (ĐH.3) huyện Sơn Dương			7.933.00	7.933.00	7.933.00		6.000.00	835.452	835.452							UBND huyện Sơn Dương	Hỗ trợ vốn đầu tư, phân cấp vốn đầu tư cho huyện Quản lý, sử dụng
6	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2011-2013		8.065.30	8.065.30	8.065.30		7.445.00	500.000	500.00							BQL Khu du lịch - SK Mỹ Lâm	
7	Công trình A04 của tỉnh Tuyên Quang	2016-2018		49.184.26	49.184.26	44.713.52	14.573.34	43.236.80	1.473.82	1.473.82							Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
8	Trụ sở UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2018-2020		4.589.58	4.589.58	4.589.58		3.877.74	400.00	400.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
9	Trụ sở UBND xã Thanh Phát, huyện Sơn Dương	2018-2020		5.603.15	5.603.15	5.365.40		5.017.88	300.00	300.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
10	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do thôn Ngòi Sen, Thảng 10, xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên	2012-2015		32.016.00	32.016.00	27.000.00		27.000.00	2.900.00	2.900.00							Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên	
11	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh Tuyên Quang (năm 2020 bố trí vốn thanh toán hạng mục đã được PDQT)	2006-2013		40.769.99			14.730.51	13.794.00	936.00	936.00							Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh Tuyên Quang	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bồi chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
12	Đường giao thông từ xã Hồng Quang đi xã Bình An, huyện Lâm Bình		L=12.03 5m	130.274.90	100.919.515	94.721.766		91.190.00	3.000.00	3.000.00							UBND huyện Lâm Bình	
13	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT185 đoạn qua đèo Kéo Nàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình	2016-2018		47.544.41	37.782.27	37.524.54		35.472.00	2.000.00	2.000.00							UBND huyện Lâm Bình	Vốn ngân sách tỉnh
14	Vốn NSDP, Công trình sửa chữa tăng cường mặt đường và công trình trên tuyến ĐT.186 đoạn từ Km56+900 đến Km62+00 (Đoạn qua khu công nghiệp Long Bình An), huyện Sơn Dương, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	2017-2018		59.596.41	59.596.41	56.685.36		35.603.12	10.000.00	10.000.00							Sở Giao thông Vận tải	Số vốn còn thiếu bổ trí từ: Vốn quỹ bảo trì đường bộ; Hỗ trợ của Công ty CP giấy An Hòa; Các DN hoạt động trong KCN Long Bình An
15	Cải tạo, nâng cấp Đại lộ Tân Trào từ ngã ba Chanh Km208+990 QL37 qua dốc Đò đến ngã ba giao với đường 17/8 (Đoạn từ cổng thành nhà Mạc đến Trung tâm Hội nghị tỉnh)	2011-2015	L=3,7km	279.085.65	129.962.27	124.962.27		113.819.67	11.000.00	11.000.00							UBND thành phố Tuyên Quang	
16	Đường giao thông tại trung tâm hành chính TPTQ đoạn nối từ QL2 cũ đến QL2, đoạn tránh TPTQ	2013-2018		295.126.55	202.101.46	198.209.30		128.008.76	2.721.342	2.721.342							UBND thành phố Tuyên Quang	Vốn CTMT Phát triển KT-XH các vùng; Vốn NSDP (UBND thành phố bổ trí vốn đền bù GPMB và một số hạng mục theo Dự án được phê duyệt)
	- Giai đoạn 1: Đoạn từ Km1+100 đến Km1+628,23; giai đoạn 2: đoạn từ Km0+00 đến Km1+100				202.101.46	198.209.30		128.008.76	2.721.342	2.721.342								
IV	CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP			5.026.169.78	3.469.790.14	2.397.424.23	182.530.89	2.186.582.56	227.235.717	181.512.717		4.800.000		18.000.00		22.923.00		30 Công trình
	CT CHUYÊN TIẾP DỰ KIẾN HOÀN THÀNH NĂM 2020			764.762.38	742.255.79	379.181.48	26.800.00	474.184.41	94.347.758	56.624.758		4.800.00		10.000.00		22.923.00		15 Công trình, Dự án
IV.1	Công nghiệp			82.202.00	64.724.54	23.642.22		20.000.00	3.000.00	3.000.00								
1	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Khuôn Phuron, huyện Na Hang	2016-2020		82.202.00	64.724.54	23.642.22		20.000.00	3.000.00	3.000.00							UBND huyện Na hang	Vốn CTMT Đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp; Vốn NSDP
IV.2	Giao thông			230.896.57	230.896.57	77.272.35		150.884.76	45.462.758	28.191.758				10.000.00		7.271.00		
1	Đường Đồng Luộc - Phúc Hương, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	2017-2020		77.297.00	77.297.00	77.272.35		37.070.00	23.691.76	13.691.76				10.000.00			UBND huyện Chiêm Hóa	Vốn cân đối NS tỉnh; vốn của huyện Chiêm Hóa và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác của huyện Chiêm Hóa
2	Xây dựng cầu cứng và đường từ Quốc lộ 2C vào khu di tích Sở Đức Tiên Bộ Tài Chính tại xã Bình Nhân - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	2018-2020		49.997.26	49.997.26			43.031.62	7.271.00							7.271.00	Sở Tài Chính	Dự án xin vốn Bộ Tài chính
3	Đường Phù Lưu - Minh Dân - Minh Khương, huyện Hàm Yên (Giai đoạn 2)			103.602.31	103.602.31			70.783.14	14.500.00	14.500.00							UBND huyện HY	
IV.3	Quản lý Nhà nước			155.701.55	155.701.55	54.000.55		94.850.00	12.500.00	12.500.00								
1	Trụ sở UBND thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	2018-2020		10.536.44	10.536.44	10.034.70		6.650.00	3.000.00	3.000.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Trụ sở UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2018-2020		5.687.01	5.687.01	5.487.01		2.200.00	3.000.00	3.000.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
3	Xây dựng Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		45.373.87	45.373.87	38.478.84		31.000.00	2.000.00	2.000.00							Sở KH và CN	
4	Xây dựng đường giao thông nội bộ và kè chống sạt lở trụ sở UBND tỉnh	2019-2020		10.000.00	10.000.00			5.000.00	4.500.00	4.500.00							Văn phòng UBND tỉnh	
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trụ sở Công an tỉnh Tuyên Quang (giai đoạn 2)	2016-2020		84.104.24	84.104.24			50.000.00									Công an tỉnh	
IV.4	Y tế			164.932.14	162.932.14	150.858.62	26.800.00	126.466.54	900.00	900.00								
1	Xây dựng Bệnh viện đa khoa, huyện Lâm Bình	2013-2019		164.932.14	162.932.14	150.858.62	26.800.00	126.466.54	900.00	900.00							UBND huyện Lâm Bình	Số vốn còn thiếu bổ sung từ NS huyện
IV.5	Giáo dục			81.944.82	78.915.70	73.407.75		56.083.11	13.500.00	8.700.00		4.800.00						
1	Xây dựng trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS, huyện Lâm Bình	2016-2020		53.211.64	50.182.52	46.876.73		37.050.18	6.500.00	6.500.00							UBND huyện Lâm Bình	Vốn NSDP + Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; Vốn NSDP
2	Trường THPT Lâm Bình, huyện Lâm Bình	2017-2019		28.733.18	28.733.18	26.531.03		19.032.927	7.000.00	2.200.00		4.800.00					BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
IV.6	Văn hoá - xã hội :			36.552.00	36.552.00			17.900.00	18.452.00	2.800.00						15.652.00		
1	Trùng tu nâng cấp, xây dựng bia di tích và hàng rào bảo vệ Khu di tích ngành Tài chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang			31.552.00	31.552.00			15.900.00	15.652.00							15.652.00	Sở Tài Chính	Nguồn vốn của Bộ Tài chính hỗ trợ; Vốn hỗ trợ của các DN thuộc Bộ Tài chính, vốn đóng góp của cán bộ công chức, người lao động
2	Xây dựng công trình Bến thủy Bán Lãm, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang,			5.000.00	5.000.00			2.000.00	2.800.00	2.800.00							UBND huyện Na Hang	
IV.7	Dự án sử dụng vốn ODA			12.533.29	12.533.29			8.000.00	533.00	533.00								
1	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Xuân Vân, huyện Yên Sơn			12.533.29	12.533.29			8.000.00	533.00	533.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Vốn ODA chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (Vốn ADB); Vốn NSDP
	CT CHUYÊN TIẾP ĐK HOÀN THÀNH SAU NĂM 2020				4.261.407.40	2.727.534.34	2.018.242.75	155.730.89	1.712.398.15	132.887.959	124.887.959				8.000.00			15 Công trình
IV.1	Công nghiệp			950.096.56	192.567.83	87.718.06		73.893.36	800.00	800.00								
1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013-2020	2016-2020		950.096.56	192.567.83	87.718.06		73.893.36	800.00	800.00							Sở Công Thương	Vốn CTMT cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, Vốn NSDP
IV.2	Giao thông			1.661.126.68	1.495.698.88	1.273.588.02		906.129.62	83.422.728	83.422.728								
1	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	2017-2021		436.901.02	365.627.70	365.627.67		72.252.35	13.700.00	13.700.00							UBND thành phố Tuyên Quang	CTMT Phát triển Kinh tế xã hội các vùng, Vốn NSDP

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Xây dựng cầu Tỉnh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang.	2017-2020		852.219.54	822.284.00	760.361.88		720.000.00	500.00	500.00							BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Vốn TPCP, Vốn NSDP
3	Đường Kiên Đài -Khuôn Miếng, huyện Chiêm Hóa (Đoạn từ Trụ sở UBND xã Kiên Đài đến đầu cầu Khuôn Miếng - thôn Nà Pô)	2018-2022		81.079.09	74.534.76	65.654.23		41.277.27	23.722.728	23.722.728							BQL Dự án vùng căn cứ Cách mạng - TQ	
4	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Vân Sơn qua các thôn Dộc Vầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2018-2022		76.873.46	45.000.00	43.427.41		30.500.00	5.000.00	5.000.00							UBND huyện Sơn Dương	CTMT Phát triển Kinh tế xã hội các vùng, Vốn NSDP
5	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường ĐT.186, đoạn từ Km0+00 - Km58+900 thuộc địa phận huyện Sơn Dương	2020-2023		155.044.10	149.735.59			30.100.00	40.500.00	40.500.00							Sở Giao thông Vận tải	Vốn quỹ bảo trì đường bộ và các nguồn vốn hợp pháp khác
6	Đường Yên Hoa - Khau Tinh (ĐH.09), huyện Na Hang	2018-2020		59.009.48	38.516.83	38.516.83		12.000.00									Ban di dân, tái định cư thủy điện TQ	Vốn NSTW từ Dự án di dân thủy điện Tuyên Quang
IV.3	Giáo dục			80.000.00	80.000.00	67.957.20		51.246.31	7.000.00	7.000.00								
1	San nền; Hạ tầng kỹ thuật; Trung tâm học liệu và thông tin thư viện Trường Đại học Tân Trào	2016-2020		80.000.00	80.000.00	67.957.20		51.246.31	7.000.00	7.000.00							Trường Đại học Tân Trào	CTMT phát triển KT-XH các vùng; vốn NSDP + Vốn hợp pháp khác.
IV.4	Quản lý nhà nước			51.864.16	51.864.16	38.996.09		24.997.71	8.000.00	8.000.00								
1	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND huyện Hàm Yên (tại địa điểm mới)	2017-2021		51.864.16	51.864.16	38.996.09		24.997.71	8.000.00	8.000.00							UBND huyện Hàm Yên	Vốn đầu tư trong cân đối NS tỉnh + Vốn ngân sách huyện
2	Nhà công vụ thuộc Dự án Xây dựng trung tâm chính trị - hành chính của huyện Lâm Bình	2019-2021		19.950.00	19.950.00			4.000.00	10.000.00	10.000.00							UBND huyện Lâm Bình	
IV.5	Văn hoá - xã hội :			170.000.00	140.210.62	107.040.40		108.400.00	13.000.00	5.000.00				8.000.00				
1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng thị trấn Na Hang lên Thị xã Na Hang	2016-2020		170.000.00	140.210.62	107.040.40		108.400.00	13.000.00	5.000.00				8.000.00			UBND huyện Na Hang	
	Trong đó:																	
	- Hàng mục xây dựng cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính từ công trường cấp 3 Na Hang đến BQL đô thị (cũ)				92.377.38	87.978.45		85.800.00										Vốn phát triển KT-XH các vùng
	- Hàng mục công trình Quảng trường và Nhà văn hóa thể thao				47.833.25	19.061.95		22.600.00	8.000.00					8.000.00				Vốn ngân sách tỉnh
IV.6	Dự án sử dụng vốn ODA			1.348.320.00	767.192.85	442.942.99	155.730.89	547.731.14	20.665.231	20.665.231								03 Công trình, Dự án
1	Chương trình mở rộng quy mô VS&NS nông thôn dựa trên kết quả giai đoạn 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		253.373.00				112.680.00	5.665.231	5.665.231							TT nước sạch và VSMT; Sở Giáo dục và Đào tạo; TT Y tế dự phòng tỉnh	Chi tiết có KH phân bổ riêng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2016-2022		251.660.00	47.978.09	48.273.30		77.322.85	5.000.000	5.000.00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
	- Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước Ngòi Là 2, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn			47.978.09	47.978.09	48.273.30												
	- Tiểu dự án 2: Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa nước tại các huyện, gồm 13 công trình			203.682.00														
3	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang	2015-2020		843.287.00	719.214.76	394.669.69	155.730.89	357.728.28	10.000.00	10.000.00							UBND - TPTQ	Vốn WB, NSTW, NSDP
1.1	Thi công xây dựng các hạng mục đầu tư giai đoạn 1 (2015-2016)	2015-2016		167.664.68	172.890.80	163.111.85	155.730.89											
	- Nâng cấp cải tạo đường, thoát nước, điện chiếu sáng trong khu dân cư Vườn thánh tổ 39, 20, 21, 22 và 26 phường Minh Xuân				20.184.52	18.577.46	16.068.71											
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm sát hạch lái xe đi Viên Châu (đoạn 1: Từ trung tâm sát hạch lái xe đến QL2 cũ), phường An Tường				91.113.29	84.456.21	80.222.43											
	- Cải tạo nâng cấp đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang																	
	- Xây dựng trường mầm non An Tường, phường An Tường				46.798.13	60.078.19	59.439.74											
	- Xây dựng trường mầm non Nông Tiến, phường Nông Tiến				14.794.86													
1.2	Thi công xây dựng các hạng mục đầu tư giai đoạn 2	2017-2020		701.167.87	546.323.96	231.557.84												
	- Nâng cấp cơ sở hạ tầng khu Lia's phường Ý La (LIA'S 3) các khu dân cư Đền Mẫu, khu Quán Hùng tổ 13, tổ 6 phường Ý La				40.649.13	231.557.84												
	- Cải tạo, nâng cấp đường tổ 16,17 đường Chu Văn An (Đoạn từ tổ 16 đường Lê Hồng Phong đến đền Cây Xanh đường Chu Văn An) phường Minh Xuân				12.706.38													
	- Cải tạo nâng cấp hồ Trung Việt, An Tường				118.768.15													
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ Trung tâm sát hạch lái xe đi Viên Châu (đoạn 2: Từ Quốc lộ L2 cũ đi Viên Châu)				55.215.31													
	- Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Tân Hà				24.766.36													
	- Nâng cấp cơ sở hạ tầng khu Lia's phường Tân Hà (LIA'S 1) các tổ 2, 3, 4, 14, 15 (cũ, nay là tổ 40 phường Minh Xuân), 16, 17, 18, 19, 25, 26, 27, 28				57.108.58													
	- Cải tạo, nâng cấp đường Tiên Lũng, phường Ý La				26.279.85													
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ đường Tân Trào đi qua mỏ đá Thiên Sơn tổ 18 Nông Tiến qua làng Dùm, phường Nông Tiến - Thiển viện Chính pháp Tuyên Quang đến đường Đền Cắm, xã Trảng Đà				147.536.44													

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ đường trung tâm thành phố đi thôn Sông Lô 7, An Tường (chuyển đổi sang Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Tuyên Quang)																	
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ đường Phan Thiết đi đường 17/8, phường Phan Thiết				14.545.03													
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ đường Bình Thuận (QL37) tại tổ 18, phường Hưng Thành qua khu tái định cư Ngọc Kim đến đường mở rộng Lê Lợi				48.748.74													
V	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2020			583.283.97	59.611.85			3.080.00	183.312.451	90.443.00		15.869.451		16.000.00	25.000.00	36.000.00		20 Công trình
V.1	Thủy lợi			19.683.83	19.683.83			80.00	4.520.00	4.520.00								
1	Công trình thủy lợi Đồng Trại, thôn Phú Nhiêu, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2020-2022		19.683.83	19.683.83			80.00	4.520.00	4.520.00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
V.2	Giao thông			24.755.12				200.00	57.800.00	11.800.00				10.000.00		36.000.00		
1	Nâng cấp đường ĐH đoạn từ thôn Sài Lĩnh đến thôn Lăng cư xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	2020-2021						100.00	6.900.00	6.900.00							UBND huyện Sơn Dương	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP + Vốn ngân sách tỉnh
2	Xây dựng cầu Bàn Khiển, xã Lăng Can, huyện Lâm Bình	2019-2021		24.755.12				100.00	14.900.00	4.900.00				10.000.00			UBND huyện Lâm Bình	Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối QL2C với khu Di tích Sở Đức tiền, Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc và khu trung tâm xã Bình nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022							8.000.00							8.000.00	Sở Tài chính	Dự án vốn Bộ Tài chính hỗ trợ (Dự kiến TMDT: 14.952,08 trđ)
4	Đường giao thông từ đường ĐH.03 Phú Bình - Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa đến Di tích Bộ Tài chính, thôn Nà Lăng, xã Phú Bình, huyện Chiêm Hóa	2020-2022							8.000.00							8.000.00	Sở Tài chính	Dự án vốn Bộ Tài chính hỗ trợ (Dự kiến TMDT: 14.727,12 trđ)
5	Cầu Chính, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa trên tuyến đường vào khu di tích Sở Đức Tiền Bộ Tài chính tại thôn Đồng Quắc, xã Bình Nhân, huyện Chiêm Hóa	2020-2022							20.000.00							20.000.00	Sở Tài chính	Dự án vốn Bộ Tài chính hỗ trợ (Dự kiến TMDT: 39.004,42 trđ)
V.3	Quản lý Nhà nước			22.580.14	22.580.14			730.00	23.200.00	23.200.00								
1	Trụ sở UBND xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa	2020-2021		5.766.34	5.766.34			80.00	3.500.00	3.500.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Trụ sở UBND xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa	2020-2021		6.343.55	6.343.55			50.00	3.000.00	3.000.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
3	Trụ sở UBND xã Phú Lưu, huyện Hàm Yên	2020-2021		4.981.66	4.981.66			50.00	3.000.00	3.000.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Trụ sở UBND xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2020-2021		5.488.58	5.488.58			50.00	3.700.00	3.700.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Xây dựng Nhà làm việc và Trung tâm kỹ thuật và Nhà STUDIO - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	2020-2024						500.00	10.000.00	10.000.00							Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tuyên Quang	Vốn đầu tư trong cân đối NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác
V.4	Văn hóa - xã hội			85.000.00				1.000.00	66.000.00	35.000.00				6.000.00	25.000.00			
1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái thuộc huyện Lâm Bình; Trong đó năm 2020: Đường giao thông từ Ngã ba Nà Tông ra bến thủy Thượng Lâm: 6.000 trđ - Vốn SNNS tỉnh)	2020-2024		85.000.00				500.00	6.000.00					6.000.00			UBND huyện Lâm Bình	Vốn CTMT Phát triển Hạ tầng Du lịch, Vốn NSDP
2	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch đến năm 2025							500.00	60.000.00	35.000.00					25.000.00		Chủ đầu tư: Theo QĐ của UBND tỉnh	
	Công trình phát huy giá trị di tích tại khu Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương (năm 2020 Xây dựng khu đón tiếp khách)	2020-2021							10.000.00	5.000.00					5.000.00			
	Cải tạo, nâng cấp Quảng trường Tân Trào tại khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào, huyện Sơn Dương	2020-2021							25.000.00	15.000.00					10.000.00			
	Xây dựng Bảo tàng Tân Trào tại khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Tân Trào huyện Sơn Dương	2020-2021							25.000.00	15.000.00					10.000.00			
V.5	Y tế			17.347.88	17.347.88			270.00	21.792.451	5.923.00		15.869.451						
1	Xây dựng Trạm Y tế xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2020-2021		2.478.24	2.478.24			50.00	2.270.131			2.270.131					BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
2	Xây dựng trạm Y tế xã Quyết Thắng, huyện Sơn Dương	2020-2021		3.880.65	3.880.65			70.00	3.700.00			3.700.00					UBND huyện Sơn Dương	Dự kiến TMDT: 4.321 trđ
3	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	2020-2021		3.723.00	3.723.00			50.00	3.300.00			3.300.00					BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Dự kiến TMDT: 3.723 trđ
4	Trạm Y tế xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn	2020-2021		3.246.00	3.246.00			50.0	3.000.00			3.000.00					BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Dự kiến TMDT: 3.246 trđ
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Hùng Lợi, huyện Yên Sơn	2020-2021		4.020.00	4.020.00			50.00	3.599.32			3.599.32					BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Dự kiến TMDT: 4.020 trđ
6	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục- Lao động xã hội tỉnh Tuyên Quang (Nay là là: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tuyên Quang)								5.923.00	5.923.00							BQL Dự án ĐT XD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Vốn Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở cai nghiện ma túy, Vốn NSDP
V.6	Dự án sử dụng vốn ODA			413.917.00				800.00	10.000.00	10.000.00								
1	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang			413.917.00				800.00	10.000.00	10.000.00							Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc thông qua KOICA
VI	CÁC CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			206.129.18	6.179.18			5.431.87	23.800.00	23.800.00								32 Công trình
(1)	Các công trình sử vốn các Chương trình mục tiêu từ Ngân sách trung ương			94.995.00				500.00										

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Đường vào Khu di tích lịch sử Quốc gia cách mạng Lào tại thôn Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn.																BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	Đề nghị Trung ương bổ sung vốn giai đoạn 2016-2020
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông nội bộ khu công nghiệp Sơn Nam, tỉnh Tuyên Quang			94.995.00				500.00									Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Vốn CTMT đầu tư hạ tầng khu công nghiệp
(2)	Các công trình sử vốn ODA			104.955.00				3.326.38	500.00	500.00								
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim xuyên, huyện Sơn Dương								500.00	500.00							BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Sử dụng vốn của nước Cộng hòa Hungrari
2	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	2018-2020		104.955.00				3.326.38									Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Dự án phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu (Vốn vay ODA)	2018-2024															Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Vốn IFAD
(3)	Các công trình sử dụng nguồn thu từ Xổ số Kiến thiết				6.179.18	6.179.176			200.00									
1	Trạm y tế phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	2019-2020						50.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Chủ đầu tư đề nghị không thực hiện
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Thành Long, huyện Hàm Yên	2019-2020		2.587.85	2.587.85			50.00									Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	Thuộc dự án Koica
3	Xây dựng trạm Y tế xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	2018-2020		3.591.324	3.591.324			100.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Vướng mắc về mặt bằng thi công XDCT
(4)	Các công trình sử dụng vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức (Vốn XD CBT)							1.405.49	23.300.00	23.300.00								
1	Dự án xây dựng Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang								15.000.00	15.000.00							Chủ đầu tư: Theo QĐ của UBND tỉnh	
2	Xây dựng hạ tầng khu vực bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang và cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Ba Đạo đi qua Hang Khảo đến bến thủy lòng hồ thủy điện Tuyên Quang, huyện Na Hang.							100.00	5.000.00	5.000.00							UBND huyện Na Hang	
3	Xây dựng Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND Phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang								3.000.00	3.000.00							UBND - TPTQ	
4	Xây dựng đường giao thông từ trường tiểu học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình								200.00	200.00							UBND huyện Lâm Bình	
5	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đầu cầu Nè đến Trường THPT Na Hang, huyện Na Hang							100.00	100.00	100.00							UBND huyện Na Hang	
6	Đường nội bộ từ trụ sở Tỉnh ủy đến Nhà khách Kim Bình, bãi đỗ xe, kẻ bảo vệ chống sạt lở và cải tạo sân, vườn khu vực Tỉnh ủy;							90.00									Văn phòng Tỉnh ủy	
7	Xây dựng Bến thủy tại khu vực bản Phụng, xã Xuân Tiến (cũ), huyện Lâm Bình.																UBND huyện Lâm Bình	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
8	Xây dựng Bến thủy tại khu vực Nà Năm, xã Thủy Loa (cũ), huyện Lâm Bình.																UBND huyện Lâm Bình	
9	Đường Tuần Lộ - Thanh Phát (ĐH.08), huyện Sơn Dương		L=3,4km														UBND huyện Sơn Dương	
10	Đường Tam Đa - Lâm Xuyên (ĐH.01), huyện Sơn Dương		L=3km														UBND huyện Sơn Dương	
11	Đường Xã Phúc Ninh - xã Chiêu Yên (ĐH.09), huyện Yên Sơn																BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
12	Trụ sở UBND thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn							50.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
13	Trạm bơm Vĩnh Tường, huyện Chiêm Hóa							372.49									BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
14	Trạm bơm Khấy Phát, huyện Yên Sơn							323.00									BQLDA vùng căn cứ cách mạng tỉnh TQ	
15	Trường THCS Công Đa, huyện Yên Sơn																BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
16	Trường THCS Phú Thịnh, huyện Yên Sơn																BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
17	Trường Tiểu học Trung Sơn, huyện Yên Sơn																BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
18	Trường Tiểu học Kim Quan, huyện Yên Sơn																BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
19	Trường Tiểu học Hợp Thành, huyện Sơn Dương							50.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
20	Trường Tiểu học Lương Thiện, huyện Sơn Dương							50.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
21	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trường THPT Thượng Lâm, huyện Lâm Bình							70.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
22	Trường Tiểu học Xuân Quang, huyện Chiêm Hóa							50.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
23	Trường Tiểu học Hùng Lợi II, huyện Yên Sơn							50.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
24	Trường Tiểu học (19-8) Minh Thanh, huyện Sơn Dương							50.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến năm 2019	KẾ HOẠCH 2020 (THEO NGUỒN VỐN)								CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
									Tổng số	Trong đó:								
										Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng Đất	Vốn thu từ Xổ số Kiến thiết	Nguồn bội chi NSDP	Kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
25	Trường Tiểu học Bình Yên, huyện Sơn Dương							50.00									BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
VII	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÒNG CHỐNG GIẢM NHỆ THIỄN TẠI, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ			85.000.00	84.982.00	79.708.00		37.000.00	8.000.00	8.000.00								
	Chương trình giống cây trồng vật nuôi, giống cây nông lâm nghiệp, thủy sản			85.000.00	84.982.00	79.708.00		37.000.00	8.000.00	8.000.00								
(1)	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2020			85.000.00	84.982.00	79.708.00		37.000.00	8.000.00	8.000.00								
1	Cải tạo, nâng cấp CSHT phát triển vùng cam sành trên địa bàn huyện Hàm Yên	2016-2020		85.000.00	84.982.00	79.708.00		37.000.00	8.000.00	8.000.00							BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	
VIII	QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030							700.00	35.000.00	35.000.00							Sở Kế hoạch và Đầu tư	
IX	CHI TRẢ NỢ								32.966.00	32.966.00								
X	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHỜ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN																	Biểu số: 03
XI	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN VỐN TW																	Biểu số: 04
XII	CHƯA PHÂN BỐ								48.000.00	36.000.00		0.00	12.000.00					

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2020
CÁC CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHỜ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 20 19 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị : Triệu đồng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG			2.194.874.13	2.118.941.89	2.023.700.63	322.353.16	2.008.079.04		
I.1	Nông lâm nghiệp - Thủy lợi			457.647.97	453.960.50	449.267.79	299.698.77	446.127.80		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Phai Kẽm, huyện Hàm Yên	2009-2011	150 Ha	14.992.71	14.992.71	14.873.00		14.407.00	UBND huyện Hàm Yên	Vốn TPCP
2	Kè bờ sông Lô thị xã Tuyên Quang (TPTQ)	2008-2014		385.624.47	381.937.00	378.431.00	299.698.77	376.524.63	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Vốn TPCP (Đang quyết toán các hạng mục)
3	Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư xã Sơn Phú, huyện Na Hang	2012-2015		49.966.00	49.966.00	48.899.00		48.424.20	Chi cục phát triển nông thôn	Dự án xin vốn NSTW
4	Kè bảo vệ chống sạt lở bờ sông khu tường niệm liệt sĩ ngành Tài Chính tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2011-2012		7.064.79	7.064.79	7.064.79		6.771.97	Sở Tài chính	Dự án xin vốn Bộ Tài chính
I.2	Giao thông :			369.516.74	365.709.66	341.283.66	17.058.11	325.802.25		
1	Đường giao thông phân khu Du lịch Lâm viên Phiêng Bung, thuộc khu Du lịch sinh thái Na Hang, huyện Na Hang	2015-2016		17.335.16	17.335.16	17.335.16		15.756.50	UBND huyện Na Hang	
2	XD đường giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước mưa, nước thải khu trung tâm huyện lỵ Yên Sơn (tại địa điểm mới)	2011-2017		70.005.00	70.005.00	67.501.00		58.501.30	UBND huyện Yên Sơn	
3	Đường Nhà Héc - Tân Mỹ (ĐH.07), huyện Chiêm Hoá	2016-2017		8.292.34	8.292.34	8.103.00		7.400.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
4	Xây dựng tuyến đường từ khu TĐC Km13 đến tuyến A-B, thị trấn huyện lỵ Yên Sơn	2016-2017		8.056.38	8.056.38	7.826.05		7.300.00	UBND huyện Yên Sơn	
5	Cải tạo nút giao thông Km5 Quốc Lộ 2 (đường Tuyên Quang - Hà Giang)	2011-2014		31.093.00	30.396.79	18.610.00	17.058.113	17.597.08	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
6	Cải tạo nâng cấp đường từ xã Thượng âm đi xã Đại phú, huyện Sơn Dương	2009-2013	L=47km	159.341.13	159.341.13	154.280.00		152.000.00	UBND huyện Sơn Dương	Vốn TPCP

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Đường Nhân Mục - Bằng Cốc, huyện Hàm Yên	2015-2016	L=4km	14.105.81	14.105.81	13.451.40		13.866.37	UBND huyện Hàm Yên	
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Thanh (từ Km138+830 QL2 đi QL2C)	2013-2015	L=2,3km	42.320.70	39.209.84	39.209.84		39.181.00	UBND thành phố Tuyên Quang	
9	Đường vào khu xử lý rác xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2011-2013		18.967.22	18.967.22	14.967.22		14.200.00	UBND huyện Yên Sơn	
I.3	Văn hóa - xã hội :			528.192.75	504.181.28	476.677.12		459.996.72		
1	Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại tỉnh Tuyên Quang.	2013-2014		26.568.03	25.025.06	22.905.48		22.978.00	Sở Xây dựng	
2	Hệ thống âm thanh, điện chiếu sáng, cây xanh Quảng trường Nguyễn Tất Thành, TPTQ	2014-2020		53.643.57	32.654.84	29.672.68		23.500.00	Sở Xây Dựng	
3	Dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn 1) Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang			24.940.28	24.940.28	24.720.00		21.992.05	BQL Khu du lịch - SK Mỹ Lâm	
4	Công trình Nhà làm việc, nhà ở tập thể, nhà trưng bày, nhà khách thuộc khu bảo tàng Tân Trào - ATK, huyện Sơn Dương	2008-2009		6.082.40	6.082.40	6.082.40		6.000.00	Bảo tàng Tân Trào - ATK	Vốn đầu tư bảo tồn văn hoá
5	Công trình cải tạo và xây dựng một số hạng mục Khu tưởng niệm liệt sĩ ngành Tài chính tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn	2012-2013		970.81	970.81	970.81		949.338	Sở Tài chính	Vốn Bộ Tài chính hỗ trợ
6	Xây dựng nhà khách Kim Bình tỉnh Tuyên Quang	2008-2011		82.358.55	82.358.55	81.458.55		79.772.70	VP Tỉnh uỷ	
7	Mở rộng phòng ăn tầng 1, xây mới nhà bếp và làm sảnh đón khách có mái che của nhà khách Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang	2015-2016		14.998.08	14.998.08	14.987.73		14.225.30	Văn phòng Tỉnh uỷ	
8	Xây dựng mở rộng khu tái định cư di chuyển các hộ dân khu xử lý rác thải xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	2012-2013		7.711.53	7.711.53	7.677.15		7.354.16	UBND huyện Yên Sơn	
9	Công trình di chuyển đường điện và xây dựng hệ thống thoát nước thải trong Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang	2011-2013		8.065.30	8.065.30	8.065.30		7.445.00	BQL Khu du lịch - SK Mỹ Lâm	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Hỗ trợ Đầu tư, tôn tạo xây dựng Di tích thành lập Chi bộ Mỏ Than (Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Tuyên Quang)	2018-2020		9.383.66	9.383.66	9.044.70		5.000.00	UBND - TPTQ	Vốn NS tỉnh hỗ trợ: 5.000 trđ
11	Quảng trường, Cụm tượng đài Bác Hồ với Nhân dân các dân tộc tỉnh Tuyên Quang			293.470.54	291.990.77	271.092.30		270.780.17	Sở Xây Dựng	
	- Trong đó Giai đoạn I: Quảng trường Nguyễn Tất thành	2012-2016		293.470.54	291.990.77	271.092.30		270.780.17		
I.4	Y tế :			318.140.71	318.140.68	316.718.17		313.522.76		
1	Xây dựng Trạm Y tế xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình	2017-2018		4.367.54	4.367.54	4.324.00		4.132.17	UBND huyện Lâm Bình	
2	Xây dựng Trạm Y tế xã Quý Quân, huyện Yên Sơn	2017-2018		3.500.12	3.500.12	3.335.42		2.959.00	UBND huyện Yên Sơn	
3	Xây dựng trạm Y tế xã Minh Dân, huyện Hàm Yên	2018-2020		2.416.56	2.416.56	2.278.11		2.250.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
4	Xây dựng trạm Y tế xã Trung Hà, huyện Chiêm Hoá	2018-2020		3.434.52	3.434.52	3.335.56		3.100.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
5	Xây dựng Trạm Y tế xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên	2018-2020		3.740.84	3.740.84	3.683.87		3.350.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
6	Xây dựng Trạm Y tế xã Trung Yên, huyện Sơn Dương	2018-2020		3.433.69	3.433.69	3.122.26		3.100.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
7	Xây dựng trạm Y tế xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2019-2020		3.393.52	3.393.52	3.232.07		3.100.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
8	Xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang (Địa điểm mới)	2011-2014	200 giường	268.898.85	268.898.82	268.898.82		268.890.00	Bệnh viện Lao và Phổi - TQ	Vốn TPCP
9	Xây dựng trạm Y tế thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn	2015-2016	XD mới	4.474.73	4.474.73	4.027.73		3.144.43	UBND huyện Yên Sơn	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Xây dựng các Trung tâm y tế tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế			13.637.16	13.637.16	13.637.16		13.637.16	Sở Y tế	Dừng thực hiện do di chuyển địa điểm (Quyết toán phần vốn đã thực hiện)
11	Bệnh viện đa khoa huyện Hàm Yên			1.470.00	1.470.00	1.470.00		1.470.00	Sở Y tế	Vốn TPCP (Quyết toán kinh phí chuẩn bị đầu tư)
12	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim xuyên, huyện Sơn Dương		50 giường	840.00	840.00	840.00		840.00	Sở Y tế	Vốn TPCP (Quyết toán kinh phí chuẩn bị đầu tư)
13	Xây dựng trạm Y tế xã Hồng Thái, huyện Na Hang	2015-2016	XD mới	4.533.17	4.533.17	4.533.17		3.550.00	Sở Y tế	Năm 2015 được giao dự toán: 3.500 trđ vốn EU tài trợ
I.5	Quản lý Nhà nước + An ninh Quốc phòng:			194.966.75	192.117.17	186.199.47		179.327.93		
1	Trụ sở xã Chiêu Yên, huyện Yên Sơn	2008-2009		2.853.41	2.853.41	2.853.41		2.800.00	UBND huyện YS	
2	Trụ sở UBND xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên	2014-2015		5.065.48	5.065.48	5.013.19		4.707.54	UBND huyện Hàm Yên	
3	Trụ sở UBND xã Lưỡng Vượng, thành phố Tuyên Quang	2016-2018		6.476.15	6.476.15	6.167.76		5.850.00	UBND-TPTQ	
4	Trụ sở UBND xã Bình An, huyện Lâm Bình	2017-2019		6.378.64	6.378.64	6.353.00		5.910.12	UBND huyện Lâm Bình	
5	Trụ sở UBND xã Thanh Tương, huyện Na Hang	2017-2019		6.414.67	6.414.67	6.116.35		5.937.03	UBND huyện Na Hang	
6	Trụ sở UBND xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa	2017-2020		7.127.44	7.127.44	6.802.77		6.650.00	UBND huyện Chiêm Hóa	
7	Trụ sở UBND xã Trung Trục, huyện Yên Sơn	2017-2020		5.730.16	5.730.16	5.468.90		5.177.00	UBND huyện Yên Sơn	
8	Trụ sở UBND xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	2017-2019		6.204.71	6.204.71	5.632.82		5.600.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
9	Trụ sở UBND xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa	2018-2020		6.471.52	6.471.52	6.092.94		5.850.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc Tỉnh ủy	2013-2014		2.178.67	2.178.67	2.178.67		2.100.00	VP Tỉnh ủy	
11	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Tỉnh ủy			14.811.85	14.811.85	11.900.54		11.866.90	VP Tỉnh ủy	
12	Hội trường và công trình HT kỹ thuật của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Yên Sơn	2009-2013		82.222.48	81.683.45	81.683.45		79.709.80	UBND huyện Yên Sơn	
13	Trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hoá	2010-2011		4.592.58	4.592.58	4.576.51		4.100.00	UBND huyện CH	
14	Cải tạo, nâng cấp nhà khách cơ quan BCH Quân sự tỉnh	2015-2016		6.185.16	6.185.16	5.822.87		5.822.87	BCH - Quân sự tỉnh	
15	Xây dựng thao trường bắn, thao trường huấn luyện tại xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hoá			15.703.70	15.703.70	15.703.70		14.248.74	UBND huyện Chiêm Hóa	Năm 2017, ứng từ quỹ Phát triển đất 9.198,737 trđ
16	Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở Trụ sở HĐND, UBND xã Yên Phú.	2017-2018		6.956.00	4.999.63	4.999.63		4.997.95	UBND huyện Hàm Yên	Phân cấp cho UBND huyện Hàm Yên quản lý, sử dụng
17	Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở UBND xã Kim phú, huyện Yên Sơn			4.718.19	4.673.19	4.266.20		4.000.00	UBND huyện Yên Sơn	Phân cấp cho UBND huyện Yên Sơn quản lý, sử dụng
18	Hỗ trợ vốn đầu tư XDCT: Trụ sở UBND xã Trung Môn, huyện Yên Sơn			4.875.95	4.566.76	4.566.76		4.000.00	UBND huyện Yên Sơn	Phân cấp cho UBND huyện Yên Sơn quản lý, sử dụng
I.6	Giáo dục			234.542.82	233.620.53	202.342.35		196.311.23		
1	Trường Mần Non, xã Nhữ Hán, huyện Yên Sơn	2016-2017		3.784.98	3.784.98	3.608.17		3.200.00	UBND huyện Yên Sơn	
2	Hạng mục Nhà thi đấu Đa năng thuộc Dự án ĐTXD công trình Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang (vốn NSĐP bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành)	2015-2016		7.983.70	7.983.70	7.751.16		7.295.80	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ TQ	
3	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Ý La, thành phố Tuyên Quang	2016-2018		22.337.35	22.337.35	20.961.36		19.500.00	Trường THPT Ý La	
4	Nhà tập đa năng của Trường THPT Nguyễn Văn Huyền	2016-2018		7.623.27	7.623.27	7.619.00		6.550.00	Trường THPT Nguyễn Văn Huyền	

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học Đa năng Trường THPT Na Hang	2016-2018		8.426.28	8.426.28	7.660.25		7.350.00	UBND huyện Na Hang	
6	Trường Tiểu học và THCS xã Côn Lôn, huyện Na Hang	2016-2018		18.160.00	18.160.00	17.691.48		16.050.00	UBND huyện Na Hang	
7	Xây dựng Trường THPT Xuân Vân huyện Yên Sơn	2008-2011		8.186.47	8.186.47	6.967.64		6.150.00	UBND huyện Yên Sơn	
8	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp tỉnh Tuyên Quang			9.382.62	9.382.62	9.103.01		9.167.43	Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp tỉnh	
9	Xây dựng, cải tạo Trung tâm thực hành, thực nghiệm trường Đại học Tân Trào	2017-2019		11.276.16	11.276.16	11.234.56		10.548.00	Trường Đại học Tân Trào	
10	Xây dựng Khoa Dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang (Hạng mục nhà ký túc xá học sinh, sinh viên)	2018-2022		7.200.00	7.200.00	7.200.00		7.000.00	Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quan	CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động
11	Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học (Vốn TPCP giai đoạn 2017-2020)	2017-2020		130.182.00	129.259.71	102.545.72		103.500.00	BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	Vốn TPCP giai đoạn 2017-2020
	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang			20.500.00	20.500.00	17.903.77		17.577.00		
	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang			14.980.00	14.058.00	13.175.63		14.058.00		
	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang			32.344.00	32.343.92	27.735.54		27.361.00		
	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang			25.961.00	25.961.00	24.991.43		23.364.00		
	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang			27.228.00	27.228.00	9.953.39		12.618.00		
	Nhà lớp học cho các trường Mầm non, tiểu học trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			9.169.00	9.168.79	8.785.96		8.522.00		

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị DT được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp + CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I.7	CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN ODA			91.866.40	51.212.07	51.212.07	5.596.27	86.990.36		
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi xã Trung Trực, huyện Yên Sơn (JICA SPLVI)	2009-2012		38.380.93	38.380.93	38.380.93	5.596.27	33.505.03	UBND huyện Yên Sơn	Đang quyết toán các hạng mục còn lại
2	Dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng (WB)	2013-2019		40.654.33				40.654.33	Sở Y tế	
3	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa Hàm Yên	2016-2017		12.831.14	12.831.14	12.831.14		12.831.00	Bệnh viện Đa khoa Hàm Yên	Vốn vay WB

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2020
CÁC DỰ ÁN ĐỀ ÁN NGHỊ TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ VỐN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 20 19 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị : Triệu đồng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXDCB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	CÁC DỰ ÁN ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN			1.796.166.43	1.386.176.74	1.194.340.49	197.175.97	743.087.00		
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình Hồ chứa nước Tân Dân, xã Thiệu Kê, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2016-2020		80.000.00	32.552.00	32.522.00	31.749.46	31.749.46	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Dự án xin vốn của TW
2	Dự án Kè bờ suối Nậm Chang bảo vệ khu trung tâm hành chính huyện Lâm Bình	2015-2019		150.132.00	30.943.16	29.339.66	28.038.96	28.517.58	UBND huyện Lâm Bình	Dự án xin vốn của TW
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Tuyên Quang	2014-2018		74.377.60	74.377.60	64.309.00		55.000.00	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự án xin vốn của TW
4	Kè bảo vệ bờ sông Gâm hạ lưu nhà máy thuỷ điện Tuyên Quang, khu vực thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2010-2014		297.701.34	297.701.34	270.637.58		231.130.00	BQL dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh TQ	Dự án xin vốn của TW
5	Kè bờ sông Gâm đoạn qua thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá	2009-2014	L=4000m	172.259.52	172.259.52	156.599.56		19.600.00	UBND huyện Chiêm Hoá	Dự án xin vốn của TW
6	Kè sông Lô đoạn qua thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	2011-2015		67.441.50	67.441.50	61.310.45		55.907.00	UBND huyện HY	Dự án xin vốn của TW
7	Kè bảo vệ chống sạt lở hai bờ sông Phó Đáy, khu vực DTL5 ATK tại các xã Trung Yên, Minh Thanh, Tân Trào, huyện Sơn Dương	2011-2014		99.375.35	99.157.52	41.290.56	41.290.56	41.290.56	UBND huyện Sơn Dương	Dự án xin vốn của TW
8	Đường giao thông đất đỏ liên xã của huyện Yên Sơn	2012-2014		250.200.00	113.450.09	113.450.09		107.000.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự án xin vốn của TW
9	Đường từ đường Quang Trung đến Km14 đến QL2 (đường Tuyên Quang đi Hà Giang)	2011-2014	L=11Km	356.923.46	356.923.00	320.112.00	61.020.39	62.289.00	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	Dự án xin vốn HT đường cứu hộ, cứu nạn + Vốn vượt thu, kết dư NSTW

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC - HT	Quy mô, năng lực, thiết kế	Giá trị dự án được phê duyệt	Giá trị dự toán được phê duyệt	Giá trị trúng thầu xây lắp +CPXD CB# + ĐBGPMB	Giá trị quyết toán đã được phê duyệt	Vốn đã bố trí đến hết năm 2019	CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	Xây dựng Trung tâm thanh thiếu nhi, huyện Sơn Dương	2012-2015		40.050.38	40.050.00	10.463.52	10.463.52	10.463.52	UBND huyện SD	Văn bản số 3723/BKHĐT-TH ngày 13/6/2011 (được phân bổ vốn khi có thông báo vốn của TW)
11	Kè bảo vệ chống sạt lở bờ suối xã Minh Hương, huyện Hàm Yên	2011-2013		59.310.88	59.310.88	52.889.24		52.526.80	UBND huyện Hàm Yên	Vốn PCLB và giảm nhẹ thiên tai, Vốn DPNS (được phân bổ vốn khi có thông báo vốn của TW)
12	Sửa chữa, nâng cấp công trình thuỷ lợi hồ Khôn, xã Thái Sơn, huyện Hàm Yên	2013-2015		49.730.66	12.557.55	12.557.55	12.557.55	12.557.55	UBND huyện Hàm Yên	Vốn sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa (được phân bổ khi có thông báo vốn của TW)
13	Sửa chữa, nâng cấp công trình thuỷ lợi hồ Khuổi Giáng, xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn	2013-2015		49.963.76	17.039.50	16.559.28		16.000.00	UBND huyện Yên Sơn	Vốn sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa (được phân bổ khi có thông báo vốn của TW)
14	Sửa chữa, nâng cấp công trình thuỷ lợi hồ chứa nước Đèo Hoa, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn	2013-2015		48.700.00	12.413.09	12.300.00	12.055.54	19.055.54	Sở NN&PTNT	Vốn sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa (được phân bổ khi có thông báo vốn của TW)